

**CÔNG TY TNHH HCOM FULFILLMENT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HCOM FULFILLMENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HCOM FULFILLMENTCOMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HCOM FULFILLMENTCO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110804194

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 Liên Kê 4B, Khu đô thị Mỗ Lao, số 242 Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985099984

Fax:

Email: [phuongkt.hau@gmail.com](mailto:phuongkt.hau@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xuất bản phần mềm<br>- Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính.<br>- Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến | 5820(Chính) |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                          | 6201        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                | 6209        |
| 4.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>Chi tiết: -Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí,                                                                                                                                            | 3240        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics                                                                                                                                                     | 5229        |
| 6.  | Bưu chính<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Bưu chính                                                                                                                                                                            | 5310        |
| 7.  | Chuyển phát<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát                                                                                                                                                                        | 5320        |
| 8.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                         | 1399        |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                 | 1410        |
| 10. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                           | 1430        |
| 11. | In ấn                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 12. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                       | 1812        |
| 13. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                      | 1820        |

|     |                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải<br>Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác<br>Bán buôn hàng may mặc<br>Bán buôn giày dép                              | 4641 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 16. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4751 |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4771 |
| 18. | Quảng cáo<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LOAN | Việt Nam  | Số 50, Ngõ 79/40 tổ 22, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 240.000.000           | 20,000    | 024194000046                                                                                            |         |
| 2   | ĐOÀN VĂN HIẾN   | Việt Nam  | Thôn 2, Xã Liên Khê, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam              | 960.000.000           | 80,000    | 031097012057                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN VĂN HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031097012057

Ngày cấp: 14/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Liên Khê, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, Xã Liên Khê, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội